

DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 08/2023

(Kèm theo Quyết định số: 3680/QĐ-ĐHCT ký ngày 09 tháng 8 năm 2023)

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
1	CT1432M555	Trương Thanh Mẫn	10/01/1995		CT1432M2	Luật	Trung bình
2	CT1532N503	Nguyễn Hoàng Hà	13/09/1997	N	CT1532N1	Luật	Trung bình
3	CT1532N509	Nguyễn Thanh Bình	17/11/1990		CT1532N1	Luật	Trung bình
4	CT1532N533	Lê Hoàng Khiêm	01/10/1987		CT1532N1	Luật	Trung bình
5	CT1632M005	Huỳnh Tuyết Nhung	31/12/1998	N	CT1632M1	Luật	Trung bình
6	CT1632N008	Đào Duy Ninh	06/07/1998		CT1632N1	Luật	Trung bình
7	CT1832N530	Kim Va Na Rích	11/11/1987		CT1832N1	Luật	Khá
8	CT1922N501	Nguyễn Đình Trường An	17/05/1998		CT1922N1	Quản trị kinh doanh	Khá
9	CT1922N505	Huỳnh Trần Tấn Duy	19/06/1999		CT1922N1	Quản trị kinh doanh	Khá
10	CT1922N510	Phạm Minh Huyền	21/03/1979		CT1922N1	Quản trị kinh doanh	Khá
11	CT1922N511	Nguyễn Thị Mỹ Khanh	11/03/2001	N	CT1922N1	Quản trị kinh doanh	Xuất sắc
12	CT1922N514	Nguyễn Linh	06/08/1991		CT1922N1	Quản trị kinh doanh	Khá
13	CT1922N515	Lê Cao Nhật Linh	11/11/1997		CT1922N1	Quản trị kinh doanh	Khá
14	CT1922N522	Nguyễn Trần Phương Nhã	14/05/1997	N	CT1922N1	Quản trị kinh doanh	Xuất sắc
15	CT1922N526	Hà Minh Phát	17/07/1996		CT1922N1	Quản trị kinh doanh	Giỏi
16	CT1922N530	Võ Bá Tân	04/04/1999		CT1922N1	Quản trị kinh doanh	Khá
17	CT1922N533	Lê Minh Thành	24/03/1995		CT1922N1	Quản trị kinh doanh	Khá
18	CT1922N550	Nguyễn Thị Kim Ngân	09/04/1997	N	CT1922N1	Quản trị kinh doanh	Khá
19	CT1922N553	Tăng Thanh Thúy	30/01/1997	N	CT1922N1	Quản trị kinh doanh	Giỏi
20	CT1922N555	Phạm Minh Trọng	26/07/1980		CT1922N1	Quản trị kinh doanh	Khá
21	CT1932N506	Nguyễn Huỳnh Duy	14/03/1993		CT1932N1	Luật	Khá
22	CT1932N515	Đặng Kim Ngân	27/01/1992	N	CT1932N1	Luật	Khá

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
23	CT1932N519	Huỳnh Đăng Hữu Nhân	21/02/2001		CT1932N1	Luật	Trung bình
24	CT1932N522	Nguyễn Ngọc Phú	15/07/1996		CT1932N1	Luật	Khá
25	CT1932N525	Huỳnh Quan Quận	12/07/1987		CT1932N1	Luật	Khá
26	CT1932N529	Trần Nguyễn Xuân Thanh	27/09/1997		CT1932N1	Luật	Khá
27	CT1932N540	Hoàng Anh Tuấn	13/09/1993		CT1932N1	Luật	Khá
28	CT1932N541	Nguyễn Văn Vẹn	10/10/1983		CT1932N1	Luật	Khá
29	CT1932N547	Nguyễn Thị Hồng Nhi	30/04/1988	N	CT1932N1	Luật	Khá
30	CT1932N550	Võ Mạnh Khang	21/10/1997		CT1932N1	Luật	Khá
31	CT20T7Q503	Dương Quốc Bảo	29/12/1995		CT20T7Q1	Kỹ thuật xây dựng	Giỏi
32	CT20T7Q506	Nguyễn Văn Đức	09/03/1994		CT20T7Q1	Kỹ thuật xây dựng	Khá
33	CT20T7Q508	Quang Thanh Hiền	20/02/1982		CT20T7Q1	Kỹ thuật xây dựng	Khá
34	CT20T7Q517	Trần Trọng Nghĩa	14/11/1979		CT20T7Q1	Kỹ thuật xây dựng	Khá
35	CT20T7Q518	Nguyễn Quốc Nhân	18/01/1994		CT20T7Q1	Kỹ thuật xây dựng	Khá
36	CT20T7Q522	Trần Thị Nguyệt Phương	23/03/1991	N	CT20T7Q1	Kỹ thuật xây dựng	Giỏi
37	CT20T7Q530	Bùi Trọng Trí	11/03/1993		CT20T7Q1	Kỹ thuật xây dựng	Khá
38	CT20T7Q533	Nguyễn Thanh Tùng	16/06/1990		CT20T7Q1	Kỹ thuật xây dựng	Giỏi
39	CT20T7Q534	Lê Thành Xuyên	19/12/1992		CT20T7Q1	Kỹ thuật xây dựng	Khá
40	CT21V1Q001	Huỳnh Vĩnh An	04/12/1990		CT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
41	CT21V1Q002	Nguyễn Huỳnh Quế Anh	03/10/1986	N	CT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
42	CT21V1Q003	Nguyễn Thị Bảo Anh	11/04/1983	N	CT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
43	CT21V1Q004	Nguyễn Chánh Tú Anh	20/10/1990	N	CT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc
44	CT21V1Q006	Huỳnh Quốc Bảo	20/01/1998		CT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
45	CT21V1Q007	Tô Thị Kim Chi	12/05/1991	N	CT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
46	CT21V1Q009	Nguyễn Thị Xuân Diễm	12/03/1977	N	CT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc
47	CT21V1Q010	Thái Thị Thùy Dung	17/11/1989	N	CT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc
48	CT21V1Q011	Lê Quốc Dũng	21/01/1986		CT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
49	CT21V1Q012	Đinh Thị Mỹ Dung ✓	21/07/1997	N	CT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
50	CT21V1Q013	Nguyễn Huỳnh Dương ✓	15/07/1998		CT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
51	CT21V1Q014	Trần Tuấn Đạt ✓	26/01/1993		CT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
52	CT21V1Q017	Lê Ngọc Minh Hạnh ✓	28/06/1983	N	CT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
53	CT21V1Q018	Trần Thu Hiền ✓	15/05/1987	N	CT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
54	CT21V1Q019	Hồ Long Hiền ✓	16/12/1976		CT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc
55	CT21V1Q020	Nguyễn Trung Hiếu ✓	05/02/1989		CT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc
56	CT21V1Q022	Nguyễn Thanh Hiệu ✓	09/12/1975		CT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
57	CT21V1Q023	Nguyễn Thị Hoa ✓	12/08/1989	N	CT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
58	CT21V1Q025	Nguyễn Thị Diễm Hương ✓	13/09/1991	N	CT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
59	CT21V1Q029	Lưu Đăng Khoa ✓	18/04/1993		CT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
60	CT21V1Q030	Cao Văn Liêm ✓	01/01/1986		CT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
61	CT21V1Q031	Phạm Thùy Linh ✓	21/10/1990	N	CT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc
62	CT21V1Q035	Trương Thùy Nga ✓	02/09/1994	N	CT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Khá
63	CT21V1Q036	Trần Bảo Ngân ✓	01/10/1997	N	CT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc
64	CT21V1Q037	Lê Kim Ngân ✓	20/05/1983	N	CT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
65	CT21V1Q039	Trần Hữu Nghị ✓	04/11/1995		CT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc
66	CT21V1Q040	Phương Lâm Minh Nguyệt ✓	05/04/1982	N	CT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
67	CT21V1Q041	Thạch Thị Mỹ Nhi ✓	23/08/1994	N	CT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Khá
68	CT21V1Q042	Hoàng Thúy Oanh ✓	23/11/1983	N	CT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
69	CT21V1Q043	Nguyễn Lê Hoàng Phương ✓	10/03/1988		CT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc
70	CT21V1Q044	Lê Hồng Phương ✓	11/01/1979		CT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc
71	CT21V1Q045	Lư Thanh Quang ✓	22/10/1984		CT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
72	CT21V1Q047	Huỳnh Phe Rích ✓	05/12/1980		CT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Khá
73	CT21V1Q048	Huỳnh Thị Tuyết Sương ✓	06/11/1982	N	CT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
74	CT21V1Q049	Trần Duy Tân ✓	23/01/1990		CT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
75	CT21V1Q051	Phan Thanh Phương Thảo ✓	18/10/1991	N	CT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
76	CT21V1Q052	Trần Thị Phương Thảo ✓	19/04/1987	N	CT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
77	CT21V1Q055	Võ Ngọc Thùy ✓	10/03/1990	N	CT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Khá
78	CT21V1Q056	Lý Mỹ Tiên ✓	22/11/1988	N	CT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc
79	CT21V1Q057	Lê Lâm Nguyệt Tiên ✓	15/09/1996	N	CT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc
80	CT21V1Q058	Lê Út Tiệp ✓	22/02/1983	N	CT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
81	CT21V1Q059	Lê Xuân Trang ✓	20/02/1983	N	CT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Khá
82	CT21V1Q060	Nguyễn Nhật Trường ✓	06/09/1984		CT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
83	CT21V1Q062	Trần Thị Ngọc Tuyền ✓	18/07/1998	N	CT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
84	CT21V1Q065	Nguyễn Thị Bảo Yên ✓	26/07/1995	N	CT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
85	CT21V1Q067	Huỳnh Ngọc Đức ✓	22/02/1979		CT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
86	CT21V1Q069	Nguyễn Thị Kim Mai ✓	16/08/1995	N	CT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Khá
87	DC21V1Q072	Phạm Hữu Nhân ✓	16/07/1987		CT21V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi

LẬP BẢNG



Võ Minh Trí

TL. HIỆU TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM LIÊN KẾT ĐÀO TẠO



Phạm Phương Tâm